

## **POWERPOINT**

**Câu 1: Trong Powerpoint 2010, để nhiều đối tượng cùng thực hiện hiệu ứng đồng thời ta chọn :**

- A. On click
- B. After Previous
- C. With Previous
- D. Tất cả đều đúng.

**Câu 2: Trong Powerpoint 2010, để tạo hiệu ứng cho đối tượng, ta chọn :**

- A. Slide
- B. Animations
- C. Action
- D. Set up transition

**Câu 3: Trong PowerPoint 2010, phần mở rộng file âm thanh có thể chèn là:**

- A. bmp
- B. gif
- C. mp3
- D Tất cả đều sai

**Câu 4: Trong Powerpoint 2010, phần mở rộng file phim có thể chèn là:**

- A. avi
- B. mpg
- C. mov
- D. Tất cả đều đúng

**Câu 5: Trong Powerpoint 2010, phần mở rộng file hình ảnh có thể chèn là:**

- A. mp3
- B. mov
- C. jpg
- D. Tất cả đều đúng

**Câu 6: Trong Powerpoint 2010, những đối tượng nào có thể chèn vào slide?**

- A. Hình ảnh, WordArt
- B. Shape, biểu đồ, bảng
- C. Âm thanh, phim video
- D. Cả 3 đều đúng

**Câu 7: Trong Powerpoint 2010, chèn một bảng vào slide , ta chọn :**

- A. Format / Table
- B. Insert / Table
- C. View / Table
- D. Edit / Table

**Câu 8: Trong Powerpoint 2010, chèn một đồ thị vào slide, ta chọn :**

- A. Format / Chart
- B. Insert / Chart
- C. View / Chart
- D. Edit / Chart

**Câu 9: Trong Powerpoint 2010, để chèn một hình ảnh có sẵn trong thư viện Office , ta chọn :**

- A. Insert/ClipArt
- B. Insert/Picture
- C. Cả 2 đều đúng
- D. Cả 2 đều sai

**Câu 10: Trong Powerpoint 2010, để chèn một hình ảnh từ USB vào slide , ta chọn :**

- A. Insert/ClipArt
- B. Insert/Picture
- C. Cả 2 đều đúng
- D. Cả 2 đều sai



**Câu 11: Đây là biểu tượng**

- |                  |             |
|------------------|-------------|
| A. Text Box      | C. Font chữ |
| B. Tăng size chữ | D. Màu chữ  |

**Câu 12: Đây là biểu tượng** 

- A. Text Box
- B. Đổi chữ thường thành chữ hoa hay ngược lại
- C. Tăng font chữ
- D. Cả 3 đều sai

**Câu 13: Đây là biểu tượng**



- A. Text Box
- B. New Slide
- C. Open
- D. Animations

**Câu 14: Đây là biểu tượng**



- A. Tăng giảm khoảng cách giữa các ký tự
- B. Kiểm tra từ
- C. Đổi chữ thường thành chữ hoa
- D. Tăng hay giảm kích thước chữ

**Câu 15: Đây là biểu tượng**



- A. Tăng giảm khoảng cách giữa các ký tự
- B. Thay đổi thứ tự đối tượng
- C. Thay đổi thứ tự hiệu ứng
- D. Tăng giảm khoảng cách giữa các dòng

**Câu 16: Từ nào sau đây dùng để hủy bỏ một hiệu ứng đã chọn :**

- A. Cancel
- B. Remove
- C. Delete
- D. Cả 3 đều đúng

**Câu 17: Đây là biểu tượng**



- A. Picture
- B. TextBox
- C. Diagram
- D. ClipArt

**Câu 18: Đây là biểu tượng**



- A. Chart
- B. Picture
- C. Diagram
- D. WordArt

**Câu 19: Đây là biểu tượng**



- A. Chart
- B. Hyperlink
- C. Picture
- D. Trigger

**Câu 20: Trong Powerpoint, đối tượng để tạo liên kết là :**

- A. Một dòng văn bản
- B. Một Shape
- C. 1 hình ảnh
- D. Cả 3 đều đúng

**Câu 21: Trong Powerpoint, đích đến để liên kết là :**

- A. Một slide khác
- B. Một địa chỉ website
- C. Một file của phần mềm khác
- D. Cả 3 đều đúng

**Câu 22: Trong Powerpoint từ “After Previous” dùng để chỉ :**

- A. Không thực hiện hiệu ứng
- B. Thực hiện hiệu ứng sau khi hiệu ứng trước vừa xong
- C. Thực hiện hiệu ứng đồng thời
- D. Cả 3 đều sai

**Câu 23: Trong Powerpoint để thực hiện trình diễn một file từ đầu:**

- A. View\Slide show
- B. Slide show\From Beginning
- C. Slide show\View show
- D. Tất cả đều đúng.

**Câu 24: Trong Powerpoint , có thể lưu file trình diễn ở định dạng nào :**

- A. \*.wmv
- B. \*.pps
- C. \*.jpg
- D. Cả 3 đều đúng

**Câu 25: “Apply to All Slides ” có chức năng là :**

- A. Cài đặt cho tất cả slide
- B. Xóa cho tất cả slide
- C. Cả hai đều đúng
- D. Cả hai đều sai

**Câu 26: Trong Powerpoint 2010 , để vô hiệu hóa tác dụng khi click chuột trên slide, chọn :**

- A. Transitions , click gỡ bỏ ☒ On Mouse Click
- B. Animations, click gỡ bỏ ☒ On Mouse Click
- C. Slide Show, click gỡ bỏ ☒ On Mouse Click
- D. Các câu trên đều sai

**Câu 27: Trong Powerpoint 2010, chèn một video vào slide , ta chọn :**

- A. Insert \ Chart
- B. Insert \ Video
- C. View \Video
- D. Edit \ Video

**Câu 28: Trong Powerpoint 2010, chèn một file âm thanh vào slide , ta chọn :**

- A. Insert \ File
- B. Insert \ Audio
- C. View \ Audio
- D. Insert \Sound

**Câu 29: Trong Powerpoint 2010, trong hiệu ứng “ Fly In” tham số Direction có ý nghĩa là :**

- A. Số lần lặp lại
- B. Hướng thực hiện
- C. Thời gian thực hiện
- D. Tất cả đều sai

**Câu 30: Trong Powerpoint 2010, để chọn nhiều Slide liên tiếp nhau , ta click chọn slide đầu và**

- A. Ấn Shift, click chọn slide cuối
- B. Ấn Ctrl, click chọn slide cuối
- C. Ấn Alt, click chọn slide cuối
- D. Cả 3 đều sai

**Câu 31: Trong Powerpoint 2010, khi thực hiện lệnh Home> New Slide hoặc CTRL+M, thì Slide mới thêm vào sẽ ở vị trí nào?**

- A. Sau slide hiện hành
- B. Trước slide hiện hành
- C. Trước slide cuối cùng
- D. Sau slide cuối cùng

**Câu 32: Trong Powerpoint 2010, click chuột phải tại một đối tượng trong PowerPoint nghĩa là :**

- A. Xóa đối tượng.
- B. Mở menu tắt
- C. Chọn đối tượng
- D. Sao chép đối tượng.

**Câu 33: Trong Powerpoint 2010, theo mặc định, để điều khiển mở slide kế tiếp khi đang trình diễn**

- A. Gõ phím Enter
- B. Click chuột trái lên slide
- C. Gõ phím mũi tên phải ⇒
- D. Cả 3 đều đúng

**Câu 34: Để tạo một trình diễn mới**

- A. File>New
- B. Home>New Slide
- C. Cả hai đều đúng
- D. Cả hai đều sai

**Câu 35: Thêm một slide mới vào trình diễn , ta chọn :**

- A. File > New Slide
- B. Home > New Slide
- C. Insert \ New Slide
- D. View/New Slide

**Câu 36: Để in các slide trên giấy**

- A. Click nút hình máy in
- B. File\ Print
- C. Cả 2 đều đúng
- D. Cả 2 đều sai